

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ- ST

Ngày : 29-10-2021

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ry**

2. Bà **Lê Thị Sáu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 78/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Lệ C**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà 57, đường Hùng Vương, tổ 6, thị trấn LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông **Đỗ Đình K**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số nhà 57, đường Hùng Vương, tổ 6, thị trấn LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà **Trần Thị Lệ C** có mặt, ông **Đỗ Đình K** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà **Trần Thị Lệ C** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị Lệ C** và ông **Đỗ Đình K** chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông **K** ghen tuông vô cớ, thường xuyên xúc

phạm vợ và gia đình vợ, không có trách nhiệm với gia đình, bắt đồng nhau về quan điểm sống, kinh tế. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được. Bà C và ông K đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình sống ly thân thì không quan tâm chăm sóc gì đến nhau, phần ai nấy sống, kinh tế hai người riêng biệt. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy bà Trần Thị Lệ C yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông Đỗ Đình K.

Về con chung: Bà Trần Thị Lệ C trình bày quá trình chung sống bà và ông Đỗ Đình K có 02 người con chung là Đỗ Đức T, sinh ngày 14/12/2000 và Đỗ Trần Bảo V, sinh ngày 29/7/2005. Do con chung là Đỗ Đức T đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ thuộc vào cha mẹ, do vậy bà C không yêu cầu giải quyết. Ly hôn bà C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Đỗ Trần Bảo V cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà C không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Lệ C trình bày bà và ông Đỗ Đình K có tạo lập được một số tài sản chung, ly hôn bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Lệ C trình bày bà và ông Đỗ Đình K không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện B đã triệu tập họp lệ ông Đỗ Đình K nhiều lần để làm việc về nội dung khởi kiện của bà C nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/7/2021 và ngày 17/8/2021 nhưng không được do ông K đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Thị Lệ C và ông Đỗ Đình K được ly hôn. Về con chung: Do con chung là Đỗ Đức T, sinh ngày 14/12/2000 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ thuộc vào cha mẹ, đề nghị HĐXX không xem xét. Đối với con chung là Đỗ Trần Bảo V, sinh ngày 29/7/2005 do chưa đủ 18 tuổi nên cần giao cho bà Trần Thị Lệ C tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Đỗ Đình K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Đỗ Đình K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

II. Về nội dung vụ án:

{1} Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ C và ông Đỗ Đình K chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông K ghen tuông vô cớ, thường xuyên xúc phạm vợ và gia đình vợ, không có trách nhiệm với gia đình, bất đồng nhau về quan điểm sống, kinh tế. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được. Bà C và ông K đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình sống ly thân thì không quan tâm chăm sóc gì đến nhau, phần ai nấy sống, kinh tế hai người riêng biệt. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà C yêu cầu được giải quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông Đỗ Đình K không có mặt nên hòa giải không thành. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì vợ chồng bà C ông K có xảy ra mâu thuẫn do ông K có uống rượu và không chăm lo cho gia đình, vợ chồng có cãi vã nhau. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, độc lập về kinh tế, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, không hàn gắn tình cảm được nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử bà Trần Thị Lệ C và ông Đỗ Đình K được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} Về con chung: Xét lời khai của bà Trần Thị Lệ C, căn cứ vào giấy khai sinh bà Trần Thị Lệ C nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống bà C và ông K có 02 người con chung tên là Đỗ Đức T, sinh ngày 14/12/2000 và Đỗ Trần Bảo V, sinh ngày 29/7/2005. Do con chung là Đỗ Đức T đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ thuộc vào cha mẹ, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Còn đối với con chung là Đỗ Trần Bảo V chưa đủ 18 tuổi, bà C yêu cầu được nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bên cạnh đó cháu Vy có đơn nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng nuôi con và giao con của bà Trần Thị Lệ C là có cơ sở và đúng pháp luật, vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tiếp tục giao con chung là Đỗ Trần Bảo V, sinh ngày 29/7/2005 cho bà Trần Thị Lệ C nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Bà Trần Thị Lệ C không yêu cầu ông Đỗ Đình K cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

{3} Về tài sản chung: Bà Trần Thị Lệ C trình bày quá trình chung sống bà và ông Đỗ Đình K có tạo lập được một số tài sản chung nhưng bà C không có yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} Về nợ chung: Bà Trần Thị Lệ C trình bày quá trình chung sống bà và ông Đỗ Đình K không có nợ chung nên không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc bà Trần Thị Lệ C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ C đối với ông Đỗ Đình K về việc “Xin ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Lệ C và ông Đỗ Đình K được ly hôn.

2. Về con chung: Do con chung là Đỗ Đức T, sinh ngày 14/12/200 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ thuộc vào cha mẹ, Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao con chung là Đỗ Trần Bảo V, sinh ngày 29/7/2005 cho bà Trần Thị Lệ C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Đỗ Đình K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về án phí: Buộc Bà Trần Thị Lệ C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Trần Thị Lệ C đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004889 ngày 07/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND TT LT, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ry

Lê Thị Sáu

Trần Thị Hà Vi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Lộc Nam, huyện B,
tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà Vi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Lộc Nam, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà Vi

